

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

★ Ngày thi: 13/5/2018 Thời gian: Sáng: 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS.Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 3

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 01-N611

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 3
1	00001	151C040001	Bùi Minh An	22/08/1997	1513C04A	x
2	00002	156CH02001	Lê Mai Anh	01/08/1993	60220120	x
3	00003	156CH01001	Nguyễn Tiến Anh	06/05/1982	1601CH01A	x
4	00004	156CH01027	Hoàng Thị Ngọc ánh	22/06/1993	1601CH01A	x
5	00005	141C040002	Hà Thị Chi	22/10/1996	1412C04A	x
6	00006	156CH01028	Cao Thị Kim Chung	11/06/1989	1601CH01A	x
7	00007	156CH02002	Nguyễn Quang Chung	02/04/1991	60220120	x
8	00008	141C040003	Đỗ Thị Kim Cúc	01/05/1996	1412C04A	x
9	00009	156CH01002	Nguyễn Thị Hồng Cúc	01/10/1982	1601CH01A	x
10	00010	156CH01003	Dương Đức Cường	31/08/1984	1601CH01A	x
11	00011	156CH02021	Lưu Kiều Phương Dung	05/08/1980	60220120	x
12	00012	156CH01029	Nguyễn Thị Thu Dung	01/12/1981	1601CH01A	x
13	00013	156CH02022	Trần Lệ Dung	04/03/1977	60220120	x
14	00014	156CH01004	Từ Thị Kim Duyên	30/03/1987	1601CH01A	x
15	00015	156CH01005	Nguyễn Hữu Đại	17/08/1980	1601CH01A	x
16	00016	156CH01006	Đỗ Thị Bích Định	06/11/1992	1601CH01A	x
17	00017	156CH02002	Nguyễn Thị Bích Hà	30/08/1978	60220120	x
18	00018	156CH01008	Vũ Thị Thu Hà	23/09/1977	1601CH01A	x
19	00019	156CH02004	Nguyễn Thị Hai	13/12/1993	60220120	x
20	00020	156CH01030	Nguyễn Hồng Hạnh	07/11/1984	1601CH01A	x
21	00021	156CH01009	Trần Thị Thu Hằng	06/02/1990	1601CH01A	x
22	00022	151C040003	Vũ Thị Thu Hiền	27/01/1997	1513C04A	x
23	00023	151C040004	Nguyễn Trung Hiếu	13/09/1997	1513C04A	x
24	00024	156CH02005	Nguyễn Thị Thanh Hoa	11/08/1981	60220120	x

Ấn định danh sách 24 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

★ Ngày thi: 13/5/2018 Thời gian: Sáng: 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS. Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 3

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 02-N612

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 3
1	00025	156CH01010	Hà Thanh Hòa	28/12/1986	1601CH01A	x
2	00026	156CH01011	Nguyễn Trọng Huân	08/09/1987	1601CH01A	x
3	00027	156CH01031	Đỗ Thị Thu Huyền	21/08/1991	1601CH01A	x
4	00028	156CH02006	Hà Thị Thanh Huyền	29/12/1979	60220120	x
5	00029	156CH02023	Nguyễn Tiến Hưng	03/07/1979	60220120	x
6	00030	156CH01012	Đỗ Thị Hương	05/04/1991	1601CH01A	x
7	00031	156CH02007	Lê Thị Thanh Hương	15/07/1980	60220120	x
8	00032	156CH02024	Nguyễn Thị Lan Hương	28/08/1990	60220120	x
9	00033	156CH02025	Trần Thị Kiều Hương	18/07/1977	60220120	x
10	00034	156CH01013	Trần Thị Thúy Hoàng	27/03/1982	1601CH01A	x
11	00035	156CH01014	Phạm Văn Khương	16/09/1991	1601CH01A	x
12	00036	156CH02026	Hán Thị Ngọc Lan	22/01/1982	60220120	x
13	00037	156CH01032	Phạm Hương Lan	14/11/1978	1601CH01A	x
14	00038	156CH02008	Bùi Thanh Lâm	18/10/1979	60220120	x
15	00039	151C040005	Chu Thị Khánh Linh	21/09/1997	1513C04A	x
16	00040	156CH02009	Hoàng Thị Thùy Linh	01/02/1983	60220120	x
17	00041	156CH02027	Ngô Văn Luật	18/10/1974	60220120	x
18	00042	156CH02028	Đỗ Thị Hương Ly	09/10/1979	60220120	x
19	00043	156CH01033	Nguyễn Thị Mai	04/08/1987	1601CH01A	x
20	00044	156CH01034	Tạ Thị Tuyết Mai	30/01/1983	1601CH01A	x
21	00045	151C040006	Hà Văn Mạnh	18/11/1997	1513C04A	x
22	00046	156CH01035	Nguyễn Đức Mạnh	19/10/1994	1601CH01A	x
23	00047	156CH2012	Nguyễn Thị Mừng	22/08/1987	60220120	x
24	00048	156CH02029	Lê Thị Ngọc Ngân	19/12/1980	60220120	x

Ấn định danh sách 24 sinh viên.

Ngày thi: 13/05/2018 Thời gian: Sáng: 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS.Việt Trì
Môn thi: Tiếng Anh Bậc 3 Chiều: 13h00 Thi: Nói Phòng thi: 03 - N613

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 3
1	00049	156CH01016	Trịnh Bích Ngọc	08/09/1980	1601CH01A	x
2	00050	156CH01017	Cao Thị Nguyệt	08/09/1992	1601CH01A	x
3	00051	156CH02030	Phan Thị Hồng Nhung	10/06/1980	60220120	x
4	00052	156CH02013	Văn Kiều Oanh	19/05/1977	60220120	x
5	00053	156CH02014	Lê Thị Minh Phương	10/10/1984	60220120	x
6	00054	156CH02031	Trần Thị Mai Phượng	25/03/1984	60220120	x
7	00055	156CH01036	Phan Mai Quỳnh	27/05/1993	1601CH01A	x
8	00056	156CH01018	Nguyễn Đức Sáng	27/03/1992	1601CH01A	x
9	00057	156CH01037	Lê Ngọc Sơn	09/07/1992	1601CH01A	x
10	00058	156CH01020	Lê Xuân Tám	20/02/1980	1601CH01A	x
11	00059	156CH02015	Nguyễn Thị Minh Tâm	01/11/1972	60220120	x
12	00060	156CH01038	Nguyễn Thị Thành Tâm	14/05/1981	1601CH01A	x
13	00061	156CH01021	Nguyễn Tất Thành	19/09/1982	1601CH01A	x
14	00062	156CH01022	Nguyễn Đức Thắng	01/01/1984	1601CH01A	x
15	00063	156CH02016	Hà Thị Bích Thủy	16/10/1978	60220120	x
16	00064	156CH01023	Nguyễn Lệ Thúy	24/12/1982	1601CH01A	x
17	00065	151C040007	Hoàng Thu Trang	25/08/1997	1513C04A	x
18	00066	156CH02017	Nguyễn Thành Trung	23/03/1989	60220120	x
19	00067	151C040008	Đào Mạnh Trường	05/10/1997	1513C04A	x
20	00068	156CH01024	Nguyễn Minh Tuấn	21/12/1983	1601CH01A	x
21	00069	156CH01039	Bạch Văn Tuấn	25/02/1987	1601CH01A	x
22	00070	156CH02018	Trần Thị Vĩnh	06/05/1971	60220120	x
23	00071	156CH01025	Ngô Văn Vững	19/08/1992	1601CH01A	x

Ấn định danh sách 23 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 13/5/2018 Thời gian: Sáng: 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS.Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 5

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 01 - N614

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 5
1	00089	16DCTA1501	Lương Thị Quỳnh Anh	28/10/1993	K14-DLCTAA1	x
2	00090	16DCTA1502	Ngô Kim Chi	30/11/1994	K14-DLCTAA1	x
3	00091	16DCTA1504	Phạm Thị Cúc	27/09/1975	K14-DLCTAA1	x
4	00092	16DCTA1506	Hà Thị Dung	05/07/1995	K14-DLCTAA1	x
5	00093	16DCTA1505	Hoàng Thị Thùy Dung	04/01/1993	K14-DLCTAA1	x
6	00094	16DCTA1507	Khổng Thị Dung	30/10/1995	K14-DLCTAA1	x
7	00095	16DCTA1508	Nguyễn Thị Dung	12/10/1994	K14-DLCTAA1	x
8	00096	16DCTA1509	Phạm Thị Duyên	30/10/1995	K14-DLCTAA1	x
9	00097	16DCTA1511	Đặng Thị Hà	07/10/1980	K14-DLCTAA1	x
10	00098	16DCTA1512	Tô Thị Thanh Hà	14/07/1995	K14-DLCTAA1	x
11	00099	16DCTA1513	Đặng Việt Hằng	22/10/1993	K14-DLCTAA1	x
12	00100	16DCTA1514	Nguyễn Thị Bích Hằng	12/09/1978	K14-DLCTAA1	x
13	00101	16DCTA1515	Dương Thế Hòa	14/10/1977	K14-DLCTAA1	x
14	00102	16DCTA1516	Nguyễn Minh Hòa	10/11/1993	K14-DLCTAA1	x
15	00103	16DCTA1517	Hoàng Diệu Huyền	12/09/1980	K14-DLCTAA1	x
16	00104	16DCTA1518	Trần Thị Thu Huyền	28/10/1995	K14-DLCTAA1	x
17	00105	16DCTA1522	Trần Thị Thu Hường	25/09/1994	K14-DLCTAA1	x
18	00106	16DCTA1523	Trịnh Thị Thùy Linh	28/06/1994	K14-DLCTAA1	x
19	00107	16DCTA1524	Nguyễn T.Thanh Nga	30/10/1995	K14-DLCTAA1	x
20	00108	16DCTA1525	Trần Văn Nga	11/10/1993	K14-DLCTAA1	x

Ấn định danh sách 20 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 13/5/2018 Thời gian: Sáng: 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS.Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 5

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 02 - N615

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh
1	00109	16DCTA1526	Bùi Thị Nhị	11/04/1988	K14-DLCTAA1	x
2	00110	16DCTA1527	Nguyễn Thị Hồng Phú	25/08/1986	K14-DLCTAA1	x
3	00111	16DCTA1528	Lê Thị Nhã Phương	21/12/1995	K14-DLCTAA1	x
4	00112	16DCTA1530	Phạm Thị Thu Phương	22/07/1995	K14-DLCTAA1	x
5	00113	16DCTA1531	Lê Thị Minh Phượng	10/12/1993	K14-DLCTAA1	x
6	00114	16DCTA1532	Hoàng Thị Hương Quỳnh	25/05/1994	K14-DLCTAA1	x
7	00115	16DCTA1533	Lương Thị Bích Thảo	19/11/1979	K14-DLCTAA1	x
8	00116	16DCTA1534	Vì Thị Phương Thảo	09/07/1993	K14-DLCTAA1	x
9	00117	16DCTA1535	Nguyễn Phương Thu	14/09/1992	K14-DLCTAA1	x
10	00118	16DCTA1537	Nguyễn Thị Thúy	16/08/1976	K14-DLCTAA1	x
11	00119	16DCTA1539	Phan Thị Thúy	05/07/1981	K14-DLCTAA1	x
12	00120	16DCTA1540	Nguyễn Thị Thu Trang	16/03/1995	K14-DLCTAA1	x
13	00121	16DCTA1541	Tô Thị Thu Trang	26/04/1991	K14-DLCTAA1	x
14	00122	16DCTA1542	Nguyễn Thành Trung	01/10/1995	K14-DLCTAA1	x
15	00123	16DCTA1543	Nguyễn Thị Vân	07/10/1991	K14-DLCTAA1	x
16	00124	16DCTA1544	Vũ Thị Lê Vân	27/11/1994	K14-DLCTAA1	x
17	00125	16DCTA1545	Đỗ Đình Yên	15/04/1994	K14-DLCTAA1	x
18	00126	16DCTA1546	Lương Thị Yên	14/09/1994	K14-DLCTAA1	x
19	00127	16DCTA1547	Hà Thị Yến	22/02/1990	K14-DLCTAA1	x

Ấn định danh sách 19 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 13/5/2018

Môn thi: UDCNTT Cơ Bản

Thời gian: 13h00 - CS. Việt Trì

Phòng thi: 402-HCHB

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	UDCNTTCB
1	00001	135D120001	Bùi Tuấn Anh	15/10/1995	1311D12A	x
2	00002	145D830002	Đỗ Phương Anh	31/07/1996	1412D83A	x
3	00003	135D040005	Nguyễn Thị Kiều Anh	03/03/1995	1311D04A	x
4	00004	135D120004	Trần Phạm Việt Cường	11/04/1995	1311D12A	x
5	00005	135D130005	Phạm Thị Thu Hà	03/08/1995	1311D13A	x
6	00006	135D130007	Lương Trung Hiếu	07/06/1995	1311D13A	x
7	00007	145D810004	Nguyễn Thị Huệ	10/06/1996	1412D81A	x
8	00008	135D120014	Nguyễn Hán Hùng	24/06/1995	1311D12A	x
9	00009	135D120015	Nguyễn Xuân Huy	15/01/1995	1311D12A	x
10	00010	145D180002	Trần Thị Thu Huyền	28/01/1995	1412D18A	x
11	00011	135D130009	Ngô Quốc Hưng	11/09/1995	1311D13A	x
12	00012	145D830010	Xa Ngọc Hưng	08/12/1996	1412D83A	x
13	00013	151C090021	Cù Thị Hường	09/09/1997	1513C09A	x
14	00014	145D130001	Đào Thị Thanh Lan	02/06/1996	1412D13A	x
15	00015	145D130002	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/10/1996	1412D13A	x
16	00016	151C090030	Nguyễn Thị Kiều Ngân	16/10/1997	1513C09A	x
17	00017	145D800006	Lương Hồng Ngọc	01/06/1995	1412D80A	x
18	00018	135D130015	Nguyễn Kim Ngọc	01/09/1993	1311D13A	x
19	00019	145D130004	Đinh Thị ánh Nguyệt	08/03/1996	1412D13A	x
20	00020	145D130003	Nguyễn Trường Nhật	28/09/1996	1412D13A	x
21	00021	135D120023	Phạm Ngọc Sơn	18/01/1995	1311D12A	x
22	00022	135D160028	Đặng Ngọc Thái	22/01/1995	1311D16A	x
23	00023	135D120026	Nguyễn Văn Thuật	23/10/1995	1311D12A	x
24	00024	135D130022	Nguyễn Thị Trang	14/01/1995	1311D13A	x
25	00025	145D830037	Phùng Thị Hà Trang	11/09/1996	1412D83A	x
26	00026	145D830038	Nguyễn Hoa Trung	19/07/1996	1412D83A	x
27	00027	145D120011	Hà Anh Tú	24/08/1996	1412D12A	x
28	00028	151C090047	Vi Thị Thu Uyên	09/01/1997	1513C09A	x
29	00029	135D130024	Đào Kế Vương	03/02/1995	1311D13A	x

Ấn định danh sách 29 sinh viên.